TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2021/HS - ST
Ngày: 14/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tân
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Mai Thị Tiếp
Bà Lê Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh hoá tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 218/2021/HSST/TLST – HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2021/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Đình H, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Đình T và bà Vũ Thị H; Bị cáo chưa có vợ;

Tiền án: Ngày 17/3/2016 bị TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2016 ; chấp hành xong phần dân sự vào ngày 16/6/2016; Tiền sự: không;

Nhân thân: - Ngày 18/11/2010 bị Công an huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi " Tàng trữ trái phép chất ma túy" bằng hình thức phạt tiền.

- Ngày 8/1/2017 sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 7/4/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng (kể từ ngày 8/1/2017).

- Ngày 18/02/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm, tuyên phạt Lê Đình Hiền 12 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/8/2020.

Trong vụ án này, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/5/2017 đến ngày 14/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày

19/01/2021 đến 25/01/2021 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; " Có mặt";

2. Lê Văn N, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Thôn S (nay là thôn N), xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do: Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Văn T và bà: Nguyễn Thị N; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án: Tiền sự: Không;

Nhân thân: - Ngày 20/8/2012 Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/11/2013; chấp hành xong án phí ngày 15/10/2012.

- Ngày 19/01/2017 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", hành vi phạm tội ngày 13/10/2016; chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/2017.

- Ngày 16/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/5/2020 đến ngày 31/5/2021 chấp hành xong hình phạt tù.

Trong vụ án này, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2017 đến ngày 15/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn; Bị cáo bị bắt truy nã ngày 07/11/2019 đến ngày 10/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn; Bị cáo đang tại ngoại " Có mặt";

3. Hoàng Văn L, sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do: Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Hoàng Thanh B và bà: Lê Thị T (đã chết); Bị cáo chưa có vợ; Tiền án: Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú;" Có mặt";

Người làm chứng: Anh Đầu Khắc Đ - Sinh năm 1980 " Vắng"

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình Hiền: Ông Lê Khắc H – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 4/9/2016, anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1973, ở 41/355 Nguyễn T, phường Đ, thành phố T đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa báo cáo về việc: vào khoảng $8^h30'$ ngày 4/9/2016, anh bị mất trộm một xe mô tô Wave màu đỏ đen xám, biển kiểm soát 36R6 - 0898 tại khu đô thị Bình Minh, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã tiếp nhận, thụ lý tin báo trên để tiến hành xác minh giải quyết.

Đến ngày 18/9/2016 trên đoạn đường Quang Trung, thuộc phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, Tổ tuần tra Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện thấy Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô Wave màu vàng đen BKS 36K4-0414,

không đội mũ bảo hiểm nên đã dừng xe L lại để kiểm tra. Do L không xuất trình được giấy tờ xe và có nhiều biểu hiện nghi vấn nên Công an tỉnh Thanh Hóa đã bàn giao đối tượng cùng tang vật cho Công an thành phố Thanh Hóa xác minh. Kết quả tra cứu số máy, số khung của xe mô tô nói trên là của anh Nguyễn Đình V bị mất trộm ngày 4/9/2016 tại phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa nhưng đã bị thay đổi màu sơn.

Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã tiến hành điều tra xác minh, kết quả điều tra xác định:

Khoảng đầu tháng 9 năm 2016, Lê Đình H và Lê Văn N đi đến khu vực phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa để mua ma túy sử dụng. Tại đây, Lê Đình H và Lê Văn N đã mua của một người đàn ông không quen biết 01 xe mô tô Wave màu đỏ đen xám, không biển kiểm soát với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Khi bán xe, người đàn ông này đã nói cho Hiền và Nguyệt biết chiếc xe mô tô trên là xe trộm cắp. Sau đó, H đi chiếc xe trên về nhà mình. Đến ngày hôm sau, Lê Đình H đi chiếc xe Wawe màu đỏ đen xám vừa mới mua đến nhà Lê Văn N. Lê Đình H và Lê Văn N thống nhất bán chiếc xe mô tô nói trên và cả hai đến nhà anh Đầu Khắc Đ, sinh năm 1980 ở thôn Thạch Sơn, xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương. Đến nơi H và N cùng vào gặp Đ. Nguyệt nói với Đ " Có chiếc xe của người bạn, có mua được thì mua". Đ hỏi " xe ở đâu". Nguyệt trả lời " xe mới chôm ở Hải Phòng". H đứng bên cạnh nói: " Xe ở xa Hải Phòng". Đ đồng ý mua xe với giá 2.300.000đ. Đ đưa trước cho H và N 1.000.000đ, và hẹn đến chiều sẽ đưa nốt 1.300.000đ. Sau đó H và N đi lên thành phố Thanh Hóa mua ma túy sử dụng hết. Đến trưa cùng ngày, Đ nhận thức được việc mua xe trộm cắp nên đã đến nhà N yêu cầu trả lại xe lấy lại tiền. N nói với Đ: Cứ để xe ở nhà Đ, lát nữa N đến lấy xe về. Sau đó N đến quán cà phê Suối Mơ ở xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương gặp Hoàng Văn L, N nói:" Có chiếc xe của bạn anh còn mới cần bán với giá 3 triệu đồng ". L đồng ý mua và về nhà lấy tiền rồi cùng N đến nhà anh Đầu Khắc Đ. Đến nơi, N vào lấy xe mô tô đã để ở nhà Đ lúc trước ra đưa cho L. L đưa cho N 3.000.000đ. N nói với L:" Đây là xe trộm cắp nên em chạy cẩn thận". Sau đó N trả lại cho anh Đ 1.000.000đ đ, N và H đã lấy lúc trước.

Đến chiều cùng ngày, H quay về nhà N và đưa cho N 01 chiếc vam phá khóa xe máy. Số tiền bán chiếc xe mô tô, H và N đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bán xe cho Hoàng Văn L, Lê Văn N đi cùng L xuống xã Quảng Nham, Quảng Xương bọc lại yên xe và đến một cửa hàng phế liệu ở xã Quảng Lợi, Quảng Xương mua chiếc biển kiểm soát xe mô tô 36K4-3212 để L lắp vào xe. N nói với L "Về nhà mua sơn mà sơn lại cho người khác không biết". L về mua sơn xịt màu vàng sơn lại xe nhằm tránh bị phát hiện. Đến ngày 18/9/2017, khi L đang điều khiển chiếc xe mô tô trên, không đội mũ bảo hiểm tại khu vực phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa thì bị phát hiện.

Ngày 24/9/2016, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô thu hồi được của Hoàng Văn L. Tại Biên bản định giá tài sản ngày 24/9/2016, Hội đồng định giá tài sản thành

phố Thanh Hóa kết luận: Chiếc xe mô tô trên có giá trị 16 triệu đồng. Ngày 26/11/2016 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã trả lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Đình V. Anh V đã nhận xe và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Quá trình điều tra, ban đầu Lê Đình H và Lê Đình N đổ lẫn cho nhau là người trộm cắp chiếc xe mô tô Wawe màu đỏ, đen, xám của anh Nguyễn Đình V. Sau khi vụ án được điều tra bổ sung, Lê Văn N khai nhận chiếc xe mô tô trên là do Lê Đình H và Lê Văn N mua được của một người đàn ông không quen biết ở khu vực phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa. Khi bán xe cho H và N, người đàn ông đó nói rõ đó là xe trộm cắp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hoàng Văn L đã bỏ trốn và bị truy nã, ngày 29/12/2017 thì L đầu thú tại Công an quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Lê Văn N bỏ trốn và bị truy nã, ngày 07/11/2019 thì bị bắt; Lê Đình H bỏ trốn và bị truy nã, ngày 19/01/2021 thì bị bắt.

Quá trình giải quyết vụ án, có tài liệu thể hiện Lê Đình H bị bệnh tâm thần. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Lê Đình H. Ngày 11/8/2020, Viện Pháp y tâm thần trung ương đã có Kết luận giám định pháp y tâm thần số 297/KLGĐ, kết luận:

- Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội tháng 9/2016 bị can Lê Đình H có hội chứng nghiện nhiều loại ma túy. Tại thời điểm giám định, bị cáo có biểu hiện rối loạn nhân cách di chứng khởi phát muộn do sử dụng nhiều loại ma túy. Bị cáo đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn N, Hoàng Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lê Đình H chỉ thừa nhận hành vi cùng N bán chiếc xe mô tô Wawe màu đỏ, đen, xám cho anh Đầu Khắc Đ, không thừa nhận việc đã mua chiếc xe mô tô nói trên.

Đối với anh Đầu Khắc Đ biết rõ là xe trộm cắp, đã có hành vi mua xe trộm cắp nhưng sau đó anh Đ đã tự chấm dứt việc giao dịch mua bán và yêu cầu N trả lại tiền, cũng như đã trả lại xe trộm cắp cho N. Hành vi của anh Đ thuộc trường hợp " Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội" nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự với Đầu Khắc Đ mà nhắc nhở giáo dục.

Đối với hành vi "Trộm cắp tài sản", do chưa xác định được đối tượng thực hiện hành vi nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã tách vụ án để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Đối với chiếc vam phá khóa H đưa cho N, N khai để sử dụng trộm cắp xe máy, nhưng N chưa sử dụng lần nào thì bị phát hiện bắt giữ, N đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Thanh Hóa.

Tại bản cáo trạng số 106/CT - VKSTP ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Lê Đình H; Lê Văn N và bị cáo Hoàng Văn L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh hoá luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS năm 2015, (điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo N; điểm s; điểm i khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo L đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đình H mức án từ 18 đến 24 tháng tù. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn N mức án từ 12 đến 15 tháng tù. Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn L mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Truy thu số tiền thu lời bất chính của bị cáo H và bị cáo N, cụ thể: Truy thu của bị cáo H 1.200.000đ; bị cáo N 1.800.000đ để tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước; Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo N và bị cáo L nhận tội và công nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là đúng và không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo H cho rằng bị cáo không đi mua xe cùng bị cáo N và bị cáo chỉ đi cùng N đến nhà anh Đ để bán xe.

Người bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội của bị cáo H. Để đảm bảo tính khách quan đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ hành vi của các bị cáo phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" hay phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Công an thành phố Thanh hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bào chữa đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung: HĐXX xét thấy, vụ án này xảy ra từ tháng 9 năm 2016, Tòa án đã 02 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung xác định hành vi " Trộm cắp tài sản", tuy nhiên qua điều tra đến nay chưa đủ căn cứ để xác định đối tượng thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, nên

cơ quan CSĐT đã tách vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ, do đó yêu cầu trả hồ sơ của người bào chữa không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Tại phiên toà hôm nay bị cáo Lê Văn N và bị cáo Hoàng Văn L đã khai nhận: Do động cơ mục đích tư lợi, khoảng đầu tháng 9 năm 2016 tại khu vực Triển lãm, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Lê Đình H, Lê Văn N biết rõ chiếc xe mô tô wave màu đỏ, đen, xám, không có biển số là tài sản do phạm tội mà có (trị giá chiếc xe mô tô 16.000.000 đồng) nhưng vẫn mua với giá 2.000.000 đồng, sau đó đã bán lại xe mô tô cho Hoàng Văn L để lấy tiền mua ma túy và tiêu xài cá nhân. Hoàng Văn L biết rõ đó là xe mô tô trộm cắp nhưng vẫn mua với giá 3.000.000đ để sử dụng, sau đó thay biển số, sơn lại xe mô tô nhằm che dấu. Khi L đang sử dụng chiếc xe mô tô trên thì bị phát hiện.

Lời nhận tội của các bị cáo N và bị cáo L tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai trước đây bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo Lê Đình H: Bị cáo chỉ khai nhận cùng N đến nhà anh Đ để bán xe, bị cáo không biết là xe do N lấy ở đâu.

Xem xét lời khai của bị cáo H thấy rằng:

Thứ nhất: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thể hiện, bị cáo và bị cáo N là bạn và bị cáo H không có mâu thuẫn gì với bị cáo N cũng như mâu thuẫn gì với anh Đ.

Thứ hai: Tại phiên tòa, bị cáo N khẳng định: Bị cáo và bị cáo H là người cùng góp tiền mua chung chiếc xe của người đàn ông không quen biết với giá 2.000.000đ, khi bán xe, người đàn ông này nói với N và H biết đó là xe do trộm cắp mà có. Điều này phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Đình V báo cáo mất xe vào ngày 04/9/2016 tại phố Bình Minh, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Thứ ba: Sau khi có được chiếc xe, bị cáo H và bị cáo N đến bán xe cho anh Đ, cả hai đều đứng bên cạnh nhau và vào phòng khách nhà anh Đ nói với anh Đ là xe " mới chôm ở Hải Phòng" có mua được thì mua.

Thứ tư: Sau khi anh Đ biết là xe phạm pháp nên không mua nữa và trả lại, bị cáo N đã bán xe cho bị cáo L lấy 3.000.000đ, bị cáo N và H mua ma túy sử dụng.

Thứ năm: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo H khai, bị cáo và bị cáo N bàn nhau, khi đến nhà anh Đ nếu anh Đ hỏi xe ở đâu thì nói là xe lấy ở Hải Phòng, sau khi bán được xe cả hai bị cáo lấy tiền mua ma túy sử dụng.

Thứ sáu: Tại các bản khai vào năm 2016 bị cáo H khai: Bị cáo biết N cũng là người nghiện giống bị cáo, N không có xe và trước đó H có cho Nguyệt 01 chiếc vam phá khóa, nên chỉ biết là N trộm chiếc xe nói trên nhưng trộm ở đâu thì bị cáo không biết.

Thứ bảy: Tại các biên bản hỏi cung vào năm 2017, bị cáo H khai: Chiếc xe mà H và N đem bán cho anh Đ không phải là xe của N mà là xe N nói cho H biết đó là xe lấy trộm ở Hải Phòng, khi các bên thỏa thuận bán cho anh Đại 2.300.000đ,

anh Đ mới đưa 1.000.000đ thì bị cáo và N đến thành phố Thanh Hóa mua ma túy sử dụng hết. Về nguồn gốc xe bị cáo H khai, chiếc xe bán cho anh Đ là xe do N trộm cắp mà có, bị cáo là người cùng N đi bán xe cho anh Đ, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin thành khẩn khai báo và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù bị cáo H không công nhận cùng bị cáo N mua chiếc xe nói trên đem bán cho anh Đ, nhưng qua lời khai của bị cáo N cũng như lời khai của anh Đ và chính lời khai của bị cáo H công nhận, chiếc xe mà N và H đem đến bán cho anh Đ không phải là xe có nguồn gốc hợp pháp, bị cáo H biết rõ nhưng vẫn cùng N đem đi tiêu thụ.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", hành vi của các bị cáo thực hiện vào tháng 9 năm 2016, nên tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS năm 1999 như cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] *Xét tính chất vụ án, mức độ phạm tội và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:* Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo không chỉ trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, trật tự pháp luật mà còn gây trở ngại lớn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, tạo điều kiện khuyến khích những người khác đi vào con đường phạm tội. Do đó cần được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo H và bị cáo N cùng mua xe của người đàn ông không quen biết sau đó cùng bán cho anh Đ, sau khi anh Đ trả lại xe, bị cáo N là người bán xe cho bị cáo L và cùng bị cáo L đi bọc lại yên xe. Do đó xét vai trò của bị cáo H và bị cáo N bằng nhau và cao hơn bị cáo L là phù hợp.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo H và bị cáo N đều có nhân thân xấu; Bị cáo Lê Đình H phạm tội thuộc trường hợp tái phạm do bản án Hình sự sơ thẩm số 12/2016/HSST ngày 17/3/2016 của TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", bản án này chưa được xóa án tích bị cáo đã phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Bị cáo Lê Văn N không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo có nhân thân bị xét xử về tội " Trộm cắp tài sản" và tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy" ;

Nay các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ các bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, xem thường pháp luật, nên cần xử lý nghiêm minh và cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết.

Bị cáo Hoàng Văn L mặc dù không nhân thân không có tiền án, tiền sự, nhưng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho hoạt động điều tra; bị cáo bị truy nã theo quyết định truy nã số 10 ngày 18/9/2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay các bị cáo N và bị cáo L khai báo thành khẩn, bị cáo L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi có quyết định truy nã bị cáo L đã đầu thú; bị cáo H là người hạn chế khả năng điều khiển hành vi, bị cáo H có bố là thương binh, bố mẹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo N có mẹ được tặng thưởng Huân chương nên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ nêu trên theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo N; Điểm s; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo L; điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Mặc dù xếp vai trò bị cáo H và bị cáo N bằng nhau, nhưng bị cáo H có tiền án và khai báo không thành khẩn nên khi quyết định hình phạt, mức án của bị cáo H phải cao hơn bị cáo N là phù hợp.

[7] *Về vật chứng*: 01 thanh kim loại dài 5,5 cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài vát hai cạnh và 01 cờ lê 8, vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với số tiền các bị cáo bán xe được 3.000.000đ cần truy thu để tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước, theo quy định tại Điều 47 của BLHS. Do bị cáo N là người trực tiếp nhận tiền và chi tiêu chung nên bị cáo N phải nộp số tiền nhiều hơn bị cáo H là phù hợp, cụ thể, truy thu của bị cáo N 1.800.000đ, bị cáo H 1.200.000đ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Điểm h khoản 1 Điều 52; điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với riêng bị cáo Lê Đình H;

Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với riêng bị cáo Lê Văn N;

Điểm s; điểm i khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với riêng bị cáo Hoàng Văn L;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình H; bị cáo Lê Văn N và bị cáo Hoàng Văn L phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt: Lê Đình H 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tự tính từ ngày 19/01/2021. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/5/2017 đến ngày 14/12/2017).

Xử phạt: Lê Văn N15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ tạm giam (từ ngày 26/6/2017 đến ngày 15/11/2017), và trừ thời gian tạm giữ từ ngày (07/11/2019 đến 10/11/2019).

Xử phạt: Hoàng Văn L 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tự tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại dài 5,5 cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài vát hai cạnh và 01 cờ lê 8, theo biên bản giao nhận vật chứng số 99/THA ngày 20/3/2018 giữa Công an thành phố Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Truy thu của bị cáo Lê Đình H số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) để tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Lê Văn N số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng) để tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Án phí: Bị cáo Lê Đình H; Lê Văn N và bị cáo Hoàng Văn L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ(Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Tân